TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 11– 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bỉnh
2 Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 268/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích L- sinh năm 1987 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, Hậu Giang.
2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N - sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: vào năm 2010, ông N và bà L có thời gian tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND tại xã Đ, huyện C ngày 10/02/2011. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm, không hợp về tính tình, chồng không tôn trọng, đối xử không bình đẳng, mọi việc trong gia đình đều do ông N quyết định... dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng không được. Sau đó thì ông bà ly thân cho đến nay.

Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 con chung; cháu Nguyễn Lê Nhã T (nữ) sinh ngày 31/8/2012 và cháu Nguyễn Lê Minh K (nam) sinh ngày 25/8/2021; hiện các cháu đang sống với bà L nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi các cháu đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày: Thông qua quen biết ông và bà L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định ngày 10/02/ 2011 tại UBND xã Đ, huyện C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi nghi ngờ tôi có mối quan hệ với người khác giới nhưng tôi làm nghề lái xe lãnh đạo có phân công chạy xe với 01 công nhân nữ nên vợ ông ghen tuông, nay vợ ông yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N, không đồng ý hàn gắn, yêu cầu nuôi cả hai cháu đến khi thành niên, bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng, không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, không đồng ý giao cháu K cho ông N nuôi dưỡng vì bà hiện đi làm có đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn, yêu cầu được nuôi cháu K, đồng ý giao cháu T cho bà L nuôi dưỡng. tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Nguyên đơn và bị đơn.

2.Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Lê Nhã T (nữ) sinh ngày 31/8/2012 và cháu Nguyễn Lê Minh K (nam) sinh ngày 25/8/2021 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông N, bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn nên bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn

nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C ngày 10/02/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà L cho rằng ông N không quan tâm gia đình, vợ con, không tôn trọng bà, mọi việc trong gia đình chịu sự áp đặt từ ông N.. từ đó vợ chồng hay bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung... mặc dù bà L cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được, quá trình giải quyết bà L cương quyết xin ly hôn và không muốn hàn gắn, ông N cũng thống nhất ly hôn cho thấy mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L và ông N ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các bên.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung ông bà có 02 con chung cháu Nguyễn Lê Nhã T (nữ) sinh ngày 31/8/2012 và cháu Nguyễn Lê Minh K (nam) sinh ngày 25/8/2021, hiện hai cháu đang chung sống với bà L, xét thấy cả ông N bà L đều có yêu cầu nuôi con chung, ông N đồng ý để cháu T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp nguyện vọng của cháu, ông N yêu cầu được nuôi cháu Minh K, tuy nhiên xét thấy, cả ông bà đều có những điều kiện cơ bản nhất định để nuôi con con chung, xét thấy hiện tại ông bà đều đi làm hàng ngày, theo đó bà L đi làm công nhân, ông N đang làm tài xế lái xe cho công ty tại Cần Thơ và ở trọ, hai cháu từ trước đến nay đều sống với bà L từ khi ông bà ly thân đến nay, được chăm sóc chu đáu, cháu T học hành đầy đủ, có chổ ở ổn định, bà L xác định vẫn chăm sóc hai cháu tốt nên để bảo đảm về chổ ở ổn định, việc học hành và tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu hiện tại, mặc khác về mặt tình cảm cần thiết cho hai cháu sống gần nhau để bảo đảm sự phát triển toàn diện cũng như sự gắn bó tình cảm giữa anh em ruột nên Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhiều mặt sự phát triển của trẻ nhỏ nên tiếp tục giao cả hai cháu cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

[4] Về nợ chung: các bên xác định không có.

[5] Về tài sản chung: các bên không yêu cầu nên không xem xét

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Nguyên đơn và bị đơn.

2.Về con chung: Tiếp tục giao cháu cháu Nguyễn Lê Nhã T (nữ) sinh ngày 31/8/2012 và cháu Nguyễn Lê Minh K (nam) sinh ngày 25/8/2021 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Hoàng N không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L tự nguyện chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số PT 2024/66 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí (nguyên đơn đã nộp xong).

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh